

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ - ST
Ngày 02 - 8 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN. TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai; Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST -HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Cát L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2019 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh L trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 01 năm 2015. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh L, sau đó anh chị ra ở nhờ nhà chú của anh L. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng xảy ra nhiều mâu

thuần, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L hay chơi cờ bạc, nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh L nhưng không được. Đến tháng 11 năm 2017 chị và anh L ly thân. Chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc sống. Từ đó đến nay hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh L không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Thiên N, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2016. Hiện nay cháu N đang ở với chị. Ly hôn chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Cát L trình bày: Anh thừa nhận thời gian đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị N trình bày ở trên là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng anh xảy ra từ năm 2017, nguyên nhân chính là do anh hay chơi cờ bạc, nợ nần, chị N đã góp ý nhiều lần. Hai vợ chồng hay xảy ra cãi vã, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2017 đến nay chưa về, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị N làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Thiên N, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2016. Hiện nay cháu N đang ở với chị N. Ly hôn anh đồng ý để chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tổng đạt thông báo thụ lý, ra quyết định xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Cát L.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi cháu Nguyễn Thiên N, anh Nguyễn Cát L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu cả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, do các đương sự đều đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Cát L thống nhất với toàn bộ quan điểm của chị Nguyễn Thị N, tuy nhiên anh L vắng mặt tại tất cả các buổi hòa giải và phiên tòa vì vậy Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Ngày 19 tháng 7 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã mở phiên tòa theo quy định, anh L vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Ngày 02 tháng 8 năm 2019 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa, anh L vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Cát L là hợp pháp, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L hay chơi cờ bạc, nợ nần, không quan tâm đến vợ con mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên nhủ. Vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Cát L, anh L vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/3/2019 anh L đã khẳng định không còn tình cảm với chị N, cả hai đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được. Quá trình xác minh cũng thể hiện chị N, anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên giải quyết cho chị N được ly hôn anh L theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy chị Nguyễn Thị N có đầy đủ điều kiện nuôi con về chỗ ăn ở, sinh hoạt, mặt khác anh L cũng nhất trí để chị N được nuôi con, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy cần giao cháu Nguyễn Thiên N, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2016 cho chị N trực tiếp nuôi, anh Nguyễn Cát L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Cát L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên N, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2016, anh Nguyễn Cát L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0003320 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy